TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH NĐ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 89/2023/DS - PT
Ngày : 02 - 8 - 2023
V/v tranh chấp về thừa kế tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH NĐ

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lại Văn Tùng

Các Thẩm phán: Bà Vũ Thị Mai Hương;

Bà Mai Thị Minh H1.

- ***Thư ký phiên toà***: Ông Bùi Xuân Sơn - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh NĐ.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh NĐ tham gia phiên tòa***: Ông Trần Trọng Dần – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh NĐ mở phiên toà xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 05/2023/TLPT-DS ngày 17-02-2023 về việc "Tranh chấp về thừa kế tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 19/2022/DS – ST ngày 28 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện GT bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 105/2023/QĐXX-PT ngày 06 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị H, sinh năm 1956; địa chỉ: Số nhà 10, đường 14/10, tổ dân phố 5, thị trấn TH, tỉnh TB;

Tạm trú tại: Số nhà 305, CT2, chung cư Lạc H1 Phúc, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là: Bà Đặng Thị T – Luật sư Công ty luật TNHH BHL – Đoàn luật sư thành phố Hà Nội;

- *Bị đơn:* Ông Phạm Công T, sinh năm 1965; địa chỉ: Tổ dân phố Sơn Hòa, thị trấn Ngô Đồng, huyện GT, tỉnh NĐ;

Người đại diện theo uỷ quyền của ông Phạm Công T là bà Phan Thị Y, sinh năm 1967; địa chỉ: Tổ dân phố Sơn Hòa, thị trấn Ngô Đồng, huyện GT, tỉnh NĐ (văn bản uỷ quyền ngày 10-7-2023).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn là: Bà Hoàng Thị V– Luật sư văn phòng Luật sư Yên Vệ – Đoàn luật sư tỉnh NĐ;

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Phạm Công T, sinh năm 1959; địa chỉ: Tổ dân phố Đông Tiến, thị trấn Ngô Đồng, huyện GT, tỉnh NĐ;

2. Bà Phạm Thị V, sinh năm 1950; địa chỉ: Số 212 H10, đường Nguyễn Đức Cảnh, phường Thắng Nhất, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;

3. Bà Phạm Thị H, sinh năm 1963; địa chỉ: Tổ dân phố Đông Tiến, thị trấn Ngô Đồng, huyện GT, tỉnh NĐ;

Người đại diện theo uỷ quyền của bà Phạm Thị V, ông Phạm Công T, bà Phạm Thị H là bà Phạm Thị H, sinh năm 1956; địa chỉ: Số nhà 10, đường 14/10, tổ dân phố 5, thị trấn TH, tỉnh TB (văn bản uỷ quyền ngày 05-4-2023).

4. Bà Phan Thị Y, sinh năm 1967; địa chỉ: Tổ dân phố Sơn Hòa, thị trấn Ngô Đồng, huyện GT, tỉnh NĐ;

- *Người kháng cáo:* Bà Phạm Thị H là nguyên đơn, ông Phạm Công T là bị đơn trong vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Bà H, bà Y, bà T, bà V có mặt. Bà V, bà ông T, ông T1, bà H1 vắng mặt có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày ngày 25 tháng 5 năm 2022, bản tự khai, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Phạm Thị H trình bày:

Bố, mẹ bà là cụ Phạm Công Thải chết ngày 13-7-1992 và cụ Phạm Thị Nguyễn chết ngày 07-3-2006. Bố mẹ bà sinh được 5 người con gồm: Bà Phạm Thị V, bà Phạm Thị H, ông Phạm Công T, bà Phạm Thị H, ông Phạm Công T. Sau khi chết bố mẹ bà có để lại di sản thừa kế là thửa đất có diện tích khoảng 760m^2 thuộc thửa đất số 519, tờ bản đồ số 02 (bản đồ 299 lập năm 1986) tại chỉ thửa đất tại tổ dân phố Đông Tiến, thị trấn Ngô Đồng, huyện GT, tỉnh NĐ. Thửa đất chưa được phân chia cho các hàng thừa kế, bố mẹ bà chết không để lại di chúc. Hiện tại thửa đất do ông Phạm Công T đang chiếm hữu, trực tiếp quản lý sử dụng. Bà cùng các chị em còn lại trong gia đình mong muốn họp gia đình để phân chia di sản thừa kế của bố mẹ để lại mỗi người được hưởng một phần, cho hợp tình hợp lý đảm bảo công bằng, nhưng ông T không có thiện chí. Nay bà đề nghị Tòa án phân chia di sản thừa kế trên theo quy định của pháp luật. Phần diện tích đất của bà, bà V, ông T1, bà H1 được chia theo luật thừa kế đề nghị Tòa án tách ra thành 1 mảnh riêng cùng sử dụng chung theo ý nguyện của bà, bà V, bà H1, ông T1.

* Tại các văn bản có trong hồ sơ và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn là ông Phạm Công T trình bày: Năm 1985 ông hoàn thành nghĩa vụ quân sự về địa phương, đến

năm 1986 ông lấy vợ và ở với bố mẹ. Khi đó các anh chị đều đã trưởng thành, lập gia đình ở riêng nên ông là người chăm sóc phụng dưỡng bố mẹ già, được bố mẹ cho sử dụng đất ao tại thửa số 519, tờ bản đồ số 2 (bản đồ 299) lập năm 1986 tổ dân phố Đông Tiến thị trấn Ngô Đồng huyện GT tỉnh NĐ có diện tích 650m^2. Vì vậy tại bản đồ địa chính thị trấn Ngô Đồng năm 1995 thửa đất này đã mang tên ông là người sử dụng đất. Ông là người quản lý, tôn tạo san lấp, gìn giữ sử dụng và thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước từ năm 1987 đến nay. Vì toàn bộ diện tích này là ao, nên năm 2005 ông đã bỏ tiền tH khoán để san lấp thành vườn: Khối lượng cát đã thanh toán tH san lấp là 1950m^3 tH với giá 150.000đồng/1m^3 thành tiền 292.500.000đồng, phủ lớp đất màu để trồng cấy khối lượng 500m^3 giá 250.000đồng/1m^3, thành tiền 125.000.000đồng. Xây tường bao (chạy dài 57m, cao 1,2m) x 1.600 viên gạch x 3.500đồng/1 viên = 5.600.000đồng. Xây cột và lưới P40 hết 2.100.000đồng, tiền xi măng + cát hết 2.200.000đồng. Công thợ 30 công x 300.000đồng/1công = 9.000.000đồng. Tổng cộng = 436.400.000đồng. Ngoài ra ông còn bỏ tiền ra xây lăng mộ thờ cúng tổ tiên, ông bà, bố mẹ với số tiền trên 300.000.000đồng. Vì vậy nay bà H khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế, ông có ý kiến: Ông T1 được hưởng 1 suất (chiều ngang dài 5m, chiều dài chạy dọc hết thửa đất); đối với 3 chị gái ông sẽ thanh toán cho mỗi người 200.000.000đồng, diện tích đất còn lại ông được hưởng.

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Phạm Công T trình bày: Đối với thửa đất số 519 của bố mẹ để lại, ông nhận hưởng một suất kích thước 5m chiều ngang, chiều dài chạy dọc hết thửa đất, 3 chị em gái hưởng 2 suất, diện tích còn lại ông T được hưởng.

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Phạm Thị H trình bày: Bà vẫn ủy quyền cho bà H thay mặt bà tham gia tố tụng, nhưng tại phiên hòa giải ngày 19-6-2022 bà có mặt ý kiến của bà là nhất trí với ý kiến chia đất như ông T1 trình bày, đối với 3 chị em gái được hưởng 2 suất thì chia cho bà H 1 suất còn bà với bà V mỗi người nửa suất. Bà không nhất trí với ý kiến của ông T trả cho 3 chị em gái mỗi người 200.000.000đồng.

* Qua xác minh thu thập chứng cứ về nguồn gốc thửa đất tranh chấp: Tại bản đồ địa chính lập năm 1986 (bản đồ 299) thửa đất đứng tên ông Thải, thể hiện tại thửa số 519, tờ bản đồ số 2 diện tích 760m^2 đất ao. Đến năm 1995 khi đo đạc lập bản đồ địa chính năm 1995 thửa đất này đứng tên ông T (con trai ông Thải), thể hiện thửa số 87 tờ bản đồ số 11, diện tích 650m^2 đất ao. Lý do có sự biến động về diện tích trên bản đồ là đo đạc bằng phương pháp thủ công và mở rộng đường dong nên diện tích còn lại 650m^2. Còn việc thay đổi người đứng tên trên bản đồ là do khi lập bản đồ năm 1995, thời điểm đó ai đang trực tiếp sử dụng đất thì đứng tên người đó.

* Về thẩm định và định giá tài sản đối với di sản tranh chấp xác định được như sau: Thửa đất hiện tại là vườn (trước đây là ao do ông T san lấp), độ sâu trung bình của ao là 1,7m, đã san lấp cát đen trên bề mặt phủ một lớp đất màu, trên đất

không có cây cối gì có giá trị. Vị trí địa lý: Phía Bắc giáp đường dong dài 24,6m; phía Nam giáp đất ông Chế dài 18,6m; phía Đông giáp đất ông Phú dài 32m; phía Tây giáp đất ông Bồn dài 32m; diện tích 689m^2. Có giá trị hiện tại theo giá thị trường là 3.500.000.000 đồng. Giá cát đen có giá là 170.000 đồng/1m^3. Công trình xây dựng trên đất (đều xây dựng vào khoảng năm 2008) gồm: Tường rào xây gạch 110, cao 70cm, dài 32,6m; giá trị còn 5127.654 đồng. Tường xây gạch 110 cao 0,6m dài 8m; giá trị còn 3.235.680 đồng. Trụ cột bê tông cốt thép 12 cột, kích thước 12cm x 9cm, cao 75cm; giá trị còn 100.864 đồng . Rào lưới thép B40 dài 24,6m, cao 90cm; giá trị còn 1.354.968 đồng. Tổng 9.819.166 đồng.

* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn tại phiên toà sơ thẩm đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 650, 651 Bộ luật dân sự chấp yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chia di sản thừa kế của bố mẹ bà H để lại là thửa đất số 519 tờ bản đồ số 2 bản đồ địa chính lập năm 1986 diện tích qua thẩm định đo đạc còn lại 689 m^2 chia đều cho 5 người con.

* Bản án sơ thẩm số 19/2022/DS – ST ngày 28 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện GT đã quyết định: Căn cứ vào Điều 203 Luật đất đai; các Điều 650, 651, 660 của Bộ luật dân sự; Điều 147, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án; Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị H về việc chia di sản thừa kế. Việc phân chia di sản thừa kế cụ thể như sau:

Giao bà Phạm Thị H, bà Phạm Thị V, bà Phạm Thị H, ông Phạm Công T được quyền sử dụng chung 459m^2 đất ao vị trí như sau: Phía Bắc giáp đường dong xóm dài 16,4m; phía Nam giáp thổ ông Chế dài 12,4m, phía Đông giáp thổ ông Phú dài 32m, phía Tây giáp phần đất ông T được chia dài 31,9m.

Giao ông Phạm Công T được quyền sử dụng 230m^2 đất ao vị trí như sau: Phía Bắc giáp đường dong xóm dài 8,2m; phía Nam giáp thổ ông Chế dài 6,2m; phía Đông giáp phần đất bà H, bà V, bà H1, ông T1 được chia dài 31,9m; phía Tây giáp thổ ông Bồn dài 32m. (Có sơ đồ kèm theo).

Các đương sự có quyền giao dịch với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất được giao như trên.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên án phí, quyền kháng cáo và biện pháp thi hành án của các đương sự.

* Tại đơn kháng cáo ngày 10-01-2023 của bà Phạm Thị H kháng cáo một phần bản án với nội dung, bà H không đồng tình với nhận định của Toà án cấp sơ thẩm về việc ông T có công sức tôn tạo thửa đất, bà cho rằng hành vi san lấp đất ao của ông T là hành vi vi phạm pháp luật, đề nghị Toà án phúc thẩm xem xét không công nhận đây là công sức đóng góp của ông T, việc ở cùng với bố mẹ không thể

chứng minh là ông T có công chăm sóc, nuôi dưỡng tốt, đề nghị Toà án phúc thẩm xem xét, không công nhận việc chăm sóc nuôi dưỡng bố mẹ của ông T, huỷ một kỷ phần của ông Phạm Công T chia diện tích đất thừa kế là 689m^2 làm 5 phần bằng nhau cho 5 người thừa kế.

* Tại đơn kháng cáo ngày 09-01-2023 của ông Phạm Công T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 19/2022/DS-ST ngày 28-12-2022 của Toà án nhân dân huyện GT, đề nghị xem xét công nhận quyền sử hữu đất ao cho ông T và giao toàn bộ đất ao cho ông T canh tác. Toà án cấp sơ thẩm tiến hành định giá tài sản ngày 22-8-2022, Hội đồng định giá xác định đất có tranh chấp có giá trị 3.500.000.000đ là quá cao, không phù hợp, đề nghị cấp phúc thẩm xem xét định giá lại tài sản. Đề nghị Toà án nhân dân tỉnh NĐ xem xét lại bản án theo trình tự phúc thẩm để đảm bảo quyền lợi chính đáng cho ông T.

* Tại phiên tòa phúc thẩm: Bà Phạm Thị H, bà Phan Thị Y là người đại diện theo uỷ quyền của ông Phạm Công T vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày tại cấp sơ thẩm và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, không chấp nhận lý do kháng cáo của nhau, đề nghị cấp phúc thẩm giải quyết chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà H, ông T. Các đương sự không thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Luật sư V cho rằng việc định giá tài sản của Toà án cấp sơ thẩm có vi phạm vì thành phần định giá không đúng quy định của pháp luật, có vi phạm trình tự thủ tục tố tụng. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm huỷ bản án dân sự sơ thẩm của Toà án nhân dân huyện GT, công nhận cho ông T được quản lý, sử dụng toàn bộ diện tích đất ao, bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà H.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh NĐ tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa phúc thẩm, những người tham gia tố tụng chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung kháng cáo: Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án thì thấy rằng di sản của cụ Phạm Công Thải và cụ Phạm Thị Nguyễn để lại gồm: Thửa đất số 519, tờ bản đồ số 02 (bản đồ 299 lập năm 1986) tại chỉ thửa đất tại tổ dân phố Đông Tiến, thị trấn Ngô Đồng, huyện GT, tỉnh NĐ diện tích hiện còn lại 689m^2 đất ao. Tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định chia cho bà Phạm Thị H, bà Phạm Thị V, bà Phạm Thị H, ông Phạm Công T được quyền sử dụng chung 459m^2 đất ao, ông Phạm Công T được quyền sử dụng 230m^2 đất ao là có cơ sở, đảm bảo đúng pháp luật. Vì vậy, kháng cáo của H, ông T là không có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 giữ nguyên bản án sơ thẩm. Về án phí đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà và kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Phạm Thị V, ông Phạm Công T, bà Phạm Thị H đã uỷ quyền cho bà Phạm Thị H, ông Phạm Công T đã uỷ quyền cho bà Phan Thị Y, bà V, ông T1, bà H1 không có kháng cáo nên việc xét xử vắng mặt họ không ảnh hưởng gì đến quyền và lợi ích hợp pháp của họ. Vì vậy, căn cứ khoản 2 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt họ. Toà án cấp sơ thẩm còn có sai sót là không ghi tên bà Phan Thị Y vào phần đầu của bản án nhưng trong quá trình giải quyết vụ án bà Y đã có giấy uỷ quyền cho ông T tham gia tố tụng tại cấp sơ thẩm. Sai sót này không làm ảnh hưởng gì đến quyền và lợi ích hợp pháp của các bên đương sự, cần rút kinh nghiệm đối với Toà án cấp sơ thẩm.

[2] Xét kháng cáo của bà Phạm Thị H, ông Phạm Công T làm trong thời hạn luật định phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 272; khoản 1 Điều 273; Điều 276 Bộ luật Tố tụng Dân sự nên được HĐXX chấp nhận xem xét giải quyết.

[3] Về quan hệ pháp luật: Bà Phạm Thị H có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết chia di sản thừa kế của cụ Phạm Công Thải và cụ Phạm Thị Nguyễn chết để lại diện tích đất ao hiện tại còn lại là 689m^2 tại thửa số 519, tờ bản đồ số 02 (bản đồ 299 lập năm 1986) tại chỉ thửa đất tại tổ dân phố Đông Tiến, thị trấn Ngô Đồng. Vì vậy quan hệ pháp luật được xác định là "Tranh chấp chia di sản thừa kế" như cấp sơ thẩm đã xác định là đúng.

[4] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Phạm Thị H khởi kiện "Tranh chấp về thừa kế tài sản" theo quy định tại khoản 5 Điều 26; Điều 35 , Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 623, 649, 650, 651, 652, 660, 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 5,7 Điều 166; điểm d khoản 1 Điều 169 Luật đất đai năm 2013 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện GT.

[5] Xét về nội dung kháng cáo của bà Phạm Thị H, ông Phạm Công T thấy rằng: Về diện và hàng thừa kế quan hệ huyết thống vợ cH1 giữa cụ Phạm Công Thải (sinh năm 1920 chết ngày 13-7-1992) và cụ Phạm Thị Nguyễn (sinh năm 1922 chết ngày 07-3-2006) hai cụ chết không để lại di chúc nên di sản của hai cụ sẽ được chia theo quy định của pháp luật, hai cụ sinh được 5 người con gồm: Bà Phạm Thị V, bà Phạm Thị H, ông Phạm Công T, bà Phạm Thị H, ông Phạm Công T. Hai cụ không có con nuôi, con riêng. Bố mẹ hai cụ đều đã chết.

[6] Về di sản thừa kế, căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, lời khai của tất cả các đương sự trong vụ án đều trình bày cụ Thải và cụ Nguyễn có thửa đất (đất ao) tại tổ dân phố Sơn Hòa, thị trấn Ngô Đồng huyện GT tỉnh NĐ, được thể hiện tại bản đồ địa chính thị trấn Ngô Đồng lập năm 1986 (bản đồ 299) thửa số 519, tờ bản đồ số 2, diện tích 760m^2, đứng tên ông Thải. Qua xác minh Uỷ ban nhân dân thị trấn Ngô Đồng cung cấp, năm 1995 khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền khảo sát đo đạc lại đất cho dân theo chủ trương chung để lập bản đồ địa chính mới, khi đó ai đang sử dụng đất thì mang tên người đó. Do vậy, thời điểm đó vì vợ cH1 ông T sống chung với

bố mẹ và là người đang trực tiếp sử dụng đất của bố mẹ, nên bản đồ địa chính năm 1995 thị trấn Ngô Đồng đất của cụ Thải và cụ Nguyễn đã được chuyển đứng tên ông T là chủ sử dụng (đã thể hiện tại thửa số 87 tờ bản đồ số 11 bản đồ địa chính thị trấn Ngô Đồng năm 1995 diện tích 650m^2 là tài sản chung của cụ Phạm Công Thải và cụ Phạm Thị Nguyễn. Nay bà H đề nghị chia di sản thừa kế của hai cụ cho 5 chị em là bà V, bà H, ông T1, bà H1 và ông T. Ông T đề nghị công nhận quyền sử dụng toàn bộ đất ao cho ông T và giao toàn bộ đất ao cho ông T canh tác, ông không nhất trí chia thừa kế theo yêu cầu khởi kiện của bà H.

[7] Về khối tài sản chung của cụ Thải và cụ Nguyễn thửa đất số 87, tờ bản đồ số 11 tại thị trấn Ngô Đồng, huyện GT, tỉnh NĐ có diện tích 650m^2 đều được các đương sự trong vụ án kê khai thống nhất về nguồn gốc là tài sản chung của cụ Phạm Công Thải và cụ Phạm Thị Nguyễn. Qua khảo sát đo đạc thực tế, diện tích còn lại 689m^2 là đất ao (có sự chênh lệch về diện tích giữa bản đồ năm 1986 với bản đồ 1995 và đo đạc thực tế là do công tác đo đạc trước kia bằng phương pháp thủ công thiếu chính xác và mở rộng đường dong xóm). Như vậy, di sản của hai cụ hiện nay có diện tích đất ao là 689m^2 được đưa ra chia thừa kế theo pháp luật cho những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của hai cụ là có căn cứ chấp nhận.

[8] Về thời điểm mở thừa kế, thời hiệu khởi kiện chia thừa kế di sản của cụ Phạm Công Thải chết ngày 13-7-1992 và cụ Phạm Thị Nguyễn chết ngày 07-3-2006, đến ngày 01-6-2022 Toà án nhân dân huyện GT thụ lý vụ án. Căn cứ khoản 1 Điều 623 Bộ luật dân sự năm 2015: "Thời hiệu để người thừa kế yêu cầu chia di sản là 30 năm đối với bất động sản…" do đó di sản thừa kế của cụ Thải, cụ Nguyễn còn trong thời hiệu khởi kiện nên vẫn được chia thừa kế cho các đồng thừa kế theo quy định của pháp luật.

[9] Xét công sức đóng góp tôn tạo thửa đất: Toàn bộ diện tích này trước đây là ao, ông T đã sang lấp cát trên bề mặt phủ lớp đất màu để trồng cấy, xây tường rào, vây lưới thép gai. Theo kết quả định giá tài sản ngày 22-8-2022 thì khối lượng Cát đen chiều sâu 1,7m x 689 m^2 = 1.171,3m^3 x 170.000đồng/1m^3 = 199.000.000 đồng, tường bao xây, cắm cột bê tông, rào lưới thép B40, tổng cộng = 9.800.000đồng. Khi cụ Thải và cụ Nguyễn còn sống, vợ cH1 ông T sống chung với bố mẹ và trực tiếp chăm sóc khi bố mẹ về già cho đến khi hai cụ qua đời một khoảng thời gian dài và bỏ tiền san lấp, xây tường bao, cắm cọc bê tông rào lưới thép B40. Do vậy, khi chia thừa kế cần phải tính công sức, tôn tạo, quản lý trông coi di sản bằng một kỷ phần theo luật cho ông T khi chia thừa kế là phù hợp. Do diện tích đất tranh chấp rộng, một mặt lại tiếp giáp với đường trục của xóm nên có thể chia bằng hiện vật cho các bên cùng sử dụng đất là phụ hợp với thực tế. Xét yêu cầu của nguyên đơn tại phiên tòa đề nghị chia thừa kế 689m^2 đất ao là tài sản của hai cụ để lại cho 5 kỷ phần thừa kế. Hội đồng xét xử thấy phần diện tích 689m^2 đất ao sẽ được chia đều thành 6 kỷ phần, bà V, bà H, ông T1, bà H1 mỗi người một kỷ phần còn riêng ông T được chia hai kỷ phần, mỗi kỷ phần được chia là 689m^2 : 6 = 114,8 m^2, trị thành tiền = 583.000.000đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án bà H1, bà V (đã ủy quyền cho bà H), ông T1 có nguyện vọng

muốn được quyền quản lý, sử dụng chung kỷ phần được chia cùng với bà H, bà V, bà H1. Do đó, nên chia chung một khối cho 4 kỷ phần bà H, bà V, ông T1, bà H1 là 459 m^2, ông T bằng 2 kỷ phần là 230m^2. Từ những phân tích trên, xét thấy yêu cầu chia thừa kế của bà H và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà V, ông T1, bà H1 đối với di sản của cụ Thải và cụ Nguyễn là 689m^2 đất cho 5 chị em là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 649, Điều 650 và Điều 651 Bộ luật dân sự.

[10] Xét về yêu cầu phản tố của ông T: Yêu cầu các đồng thừa kế phải thanh toán cho ông về công sức đóng góp san lấp tôn tạo thửa đất từ ao thành vườn, chi phí xây tường rào, cắm cọc bê tông, rào lưới thép B40 và xây sửa lăng mộ cho bố mẹ. Xét thấy việc ông T trình bày tự bỏ tiền ra xây sửa lăng mộ cho bố mẹ chưa có sự bàn bạc và nhất trí của các anh chị trong gia đình, vấn đề này pháp luật không quy định, không thuộc phạm vi xem xét giải quyết trong vụ án này nên không được chấp nhận, còn yêu cầu các đồng thừa kế phải thanh toán cho ông T về công sức đóng góp san lấp tôn tạo thửa đất, đã được Toà án đánh giá nhận định ở phần trên, ông T đã được tính công sức tôn tạo bằng một kỷ phần thừa kế cho nên Toà án đã chia thêm cho ông T một kỷ phần là đã đảm bảo quyền và lợi ích chính đáng cho ông T, yêu cầu này cũng không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[11] Xét yêu cầu định giá lại tài sản của bà Phạm Thị H tại đơn đề nghị ngày 09-6-2023, yêu cầu định giá lại tài sản của ông Phạm Công T tại đơn đề nghị ngày 28-6-2023 là không có căn cứ chấp nhận. Bởi vì, ngày 31-5-2023 Toà án nhân dân tỉnh NĐ đã thành lập Hội đồng định giá lại tài sản theo yêu cầu kháng cáo của ông T.

[12] Về chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản, bà Phạm Thị H tự nguyện chịu toàn bộ (bà H đã nộp tạm ứng 5.000.000đ, quá trình xem xét thẩm định và định giá tài sản chi phí hết 3.350.000đ, còn lại 1.650.000đ đã trả lại cho bà H).

[13] Xét yêu cầu kháng cáo của ông Phạm Công T cho rằng Toà án cấp sơ thẩm tiến hành định giá tài sản ngày 22-8-2022, Hội đồng định giá xác định đất có tranh chấp có giá trị 3.500.000.000đ là quá cao, không phù hợp, đề nghị cấp phúc thẩm xem xét định giá lại tài sản. Ngày 31 tháng 5 năm 2023 Hội đồng định giá lại tài sản đã định giá giá trị quyền sử dụng 1m^2 đất ao tại thời điểm hiện nay có giá là 5.015.000đ.

[14] Qua những phân tích nêu trên đã cho thấy những kết luận trong bản án sơ thẩm là hoàn toàn phù hợp với những quy định của pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đúng các quy định của pháp luật để giải quyết vụ án. Trong quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên toà phúc thẩm bà H, bà Y và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà H, ông T cũng không đưa ra được các chứng cứ và lý lẽ để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình. Lý do kháng cáo của bà H, ông T là không có căn cứ. Vì vậy, yêu cầu kháng cáo của bà H, ông T không được chấp nhận cần giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

[15] Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của bà Phạm Thị H và ông Phạm Công T không được chấp nhận nên bà H, ông T phải nộp án phí dân sự phúc thẩm nhưng hiện nay bà H là người cao tuổi, đã có đơn xin miễn án phí, theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì bà H được miễn toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm. Số tiền ông T đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm được đối trừ vào số tiền ông T phải nộp.

[16] Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Không chấp nhận kháng cáo của bà Phạm Thị H và ông Phạm Công T. Giữ nguyên án sơ thẩm.

Căn cứ khoản 5 Điều 26; khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39; Điều 92; Điều 147; Điều 148; Điều 156; Điều 165; Điều 184; Điều 185 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 611; Điều 612; Điều 613; Điều 623; Điều 649; Điều 650; Điều 651; Điều 660; Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 và khoản 2, khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án:

1. Giữ nguyên Quyết định bản án sơ thẩm số 19/2022/DS-ST ngày 28-12-2022 của Tòa án nhân dân huyện GT, tỉnh Nam Định.

2. Án phí dân sự phúc thẩm: Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho bà Phạm Thị H.

Buộc ông Phạm Công T phải nộp 300.000 đồng nhưng được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0000385 ngày 11-01-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện GT, tỉnh NĐ. Ông T đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người phải thi hành án dân sự bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án phúc thẩm có hiệu lực thi hành ngay sau khi tuyên án.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Đương sự;
- VKSND tỉnh NĐ;
- VKSND huyện GT;
- TAND huyện GT;
- Chi cục THADS huyện GT;
- Lưu HS, VP.

(đã ký)

Lại Văn Tùng